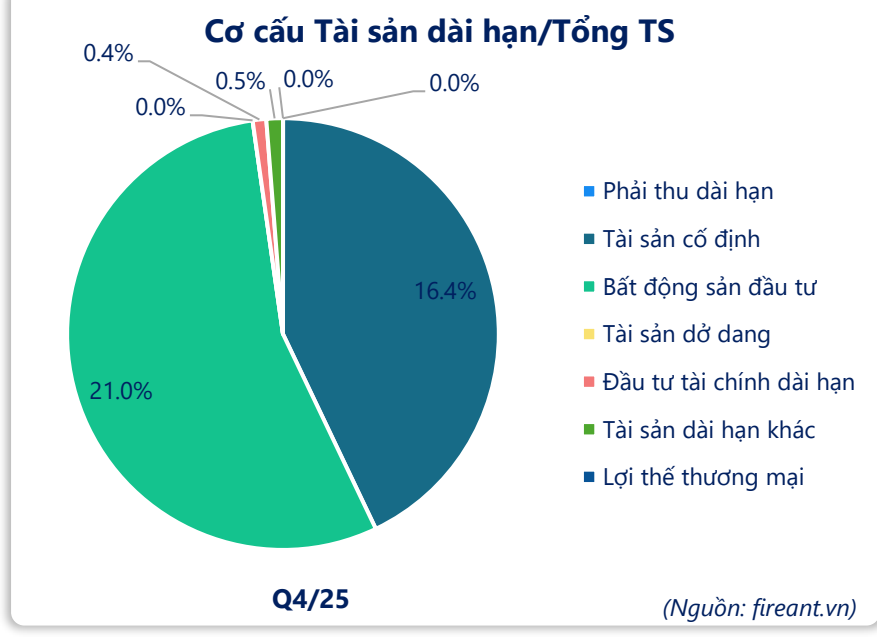
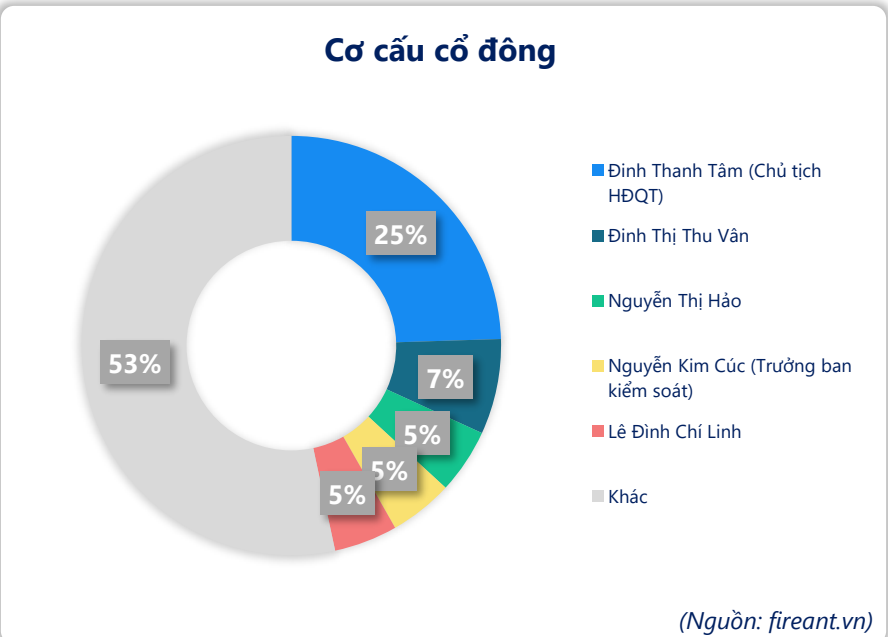
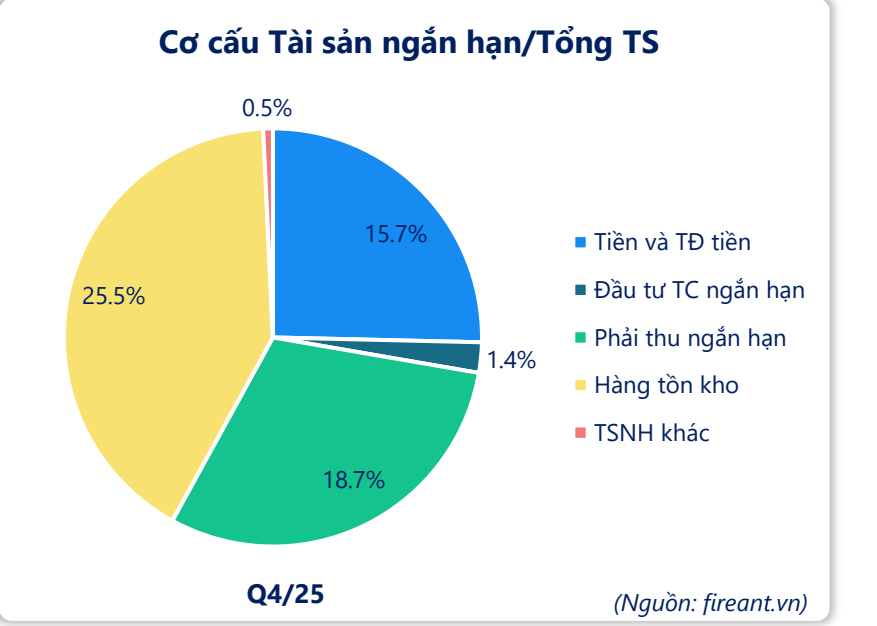
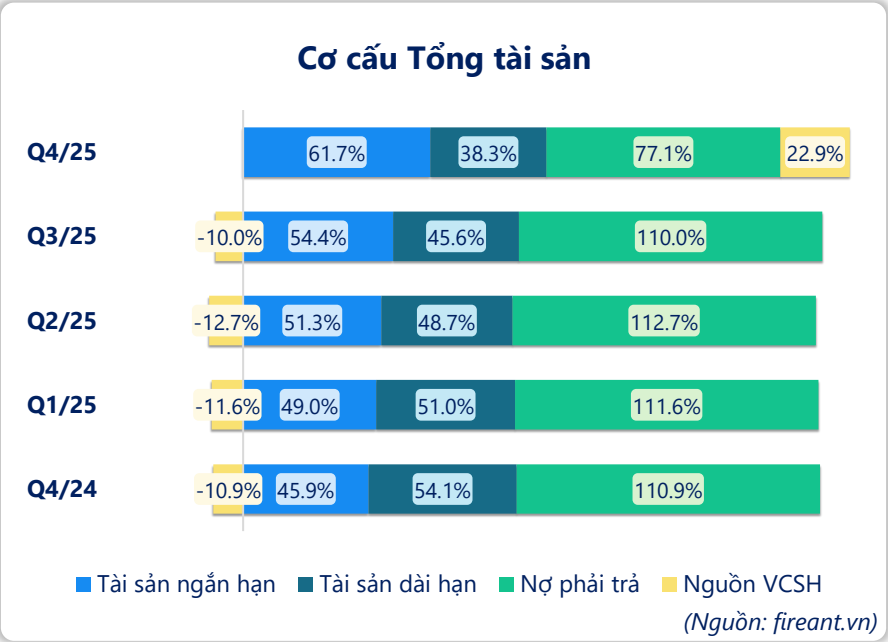
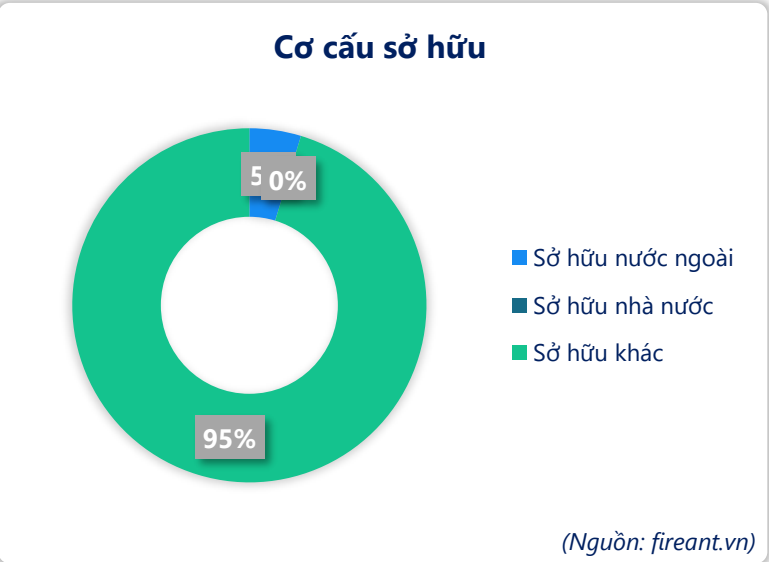
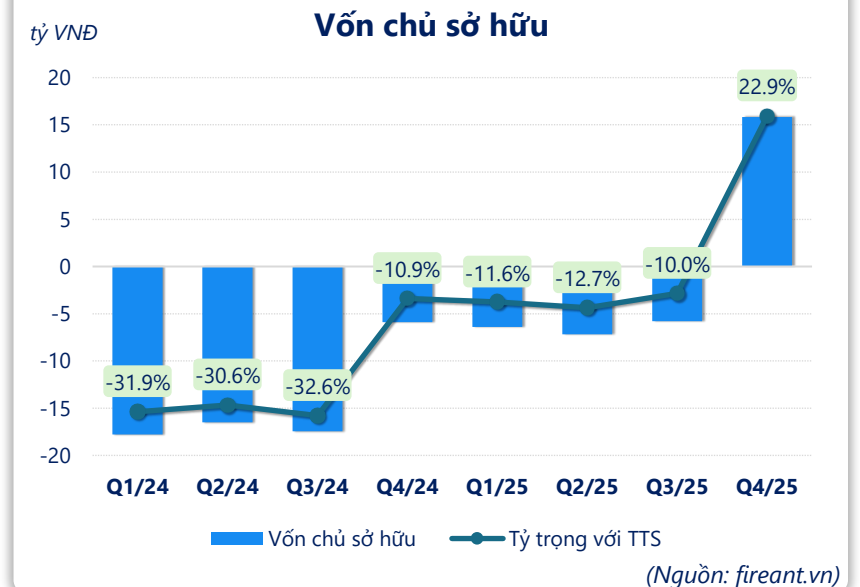
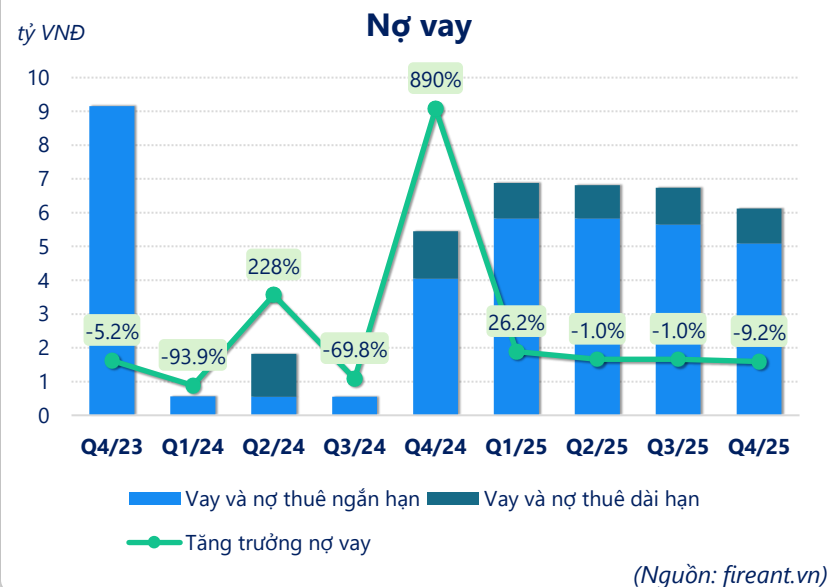
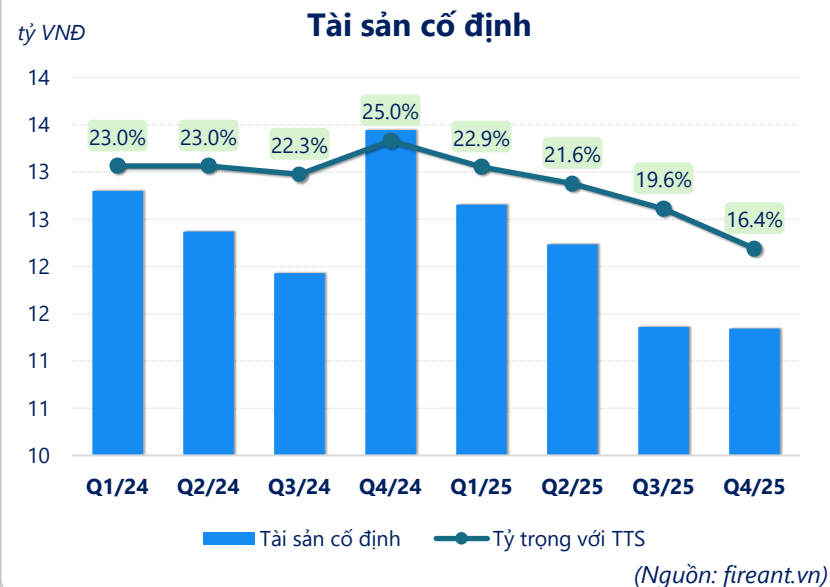
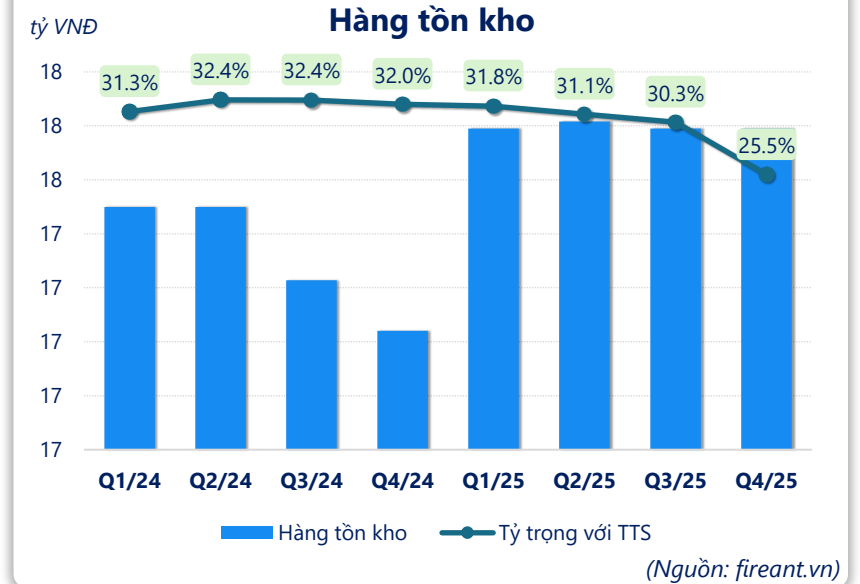
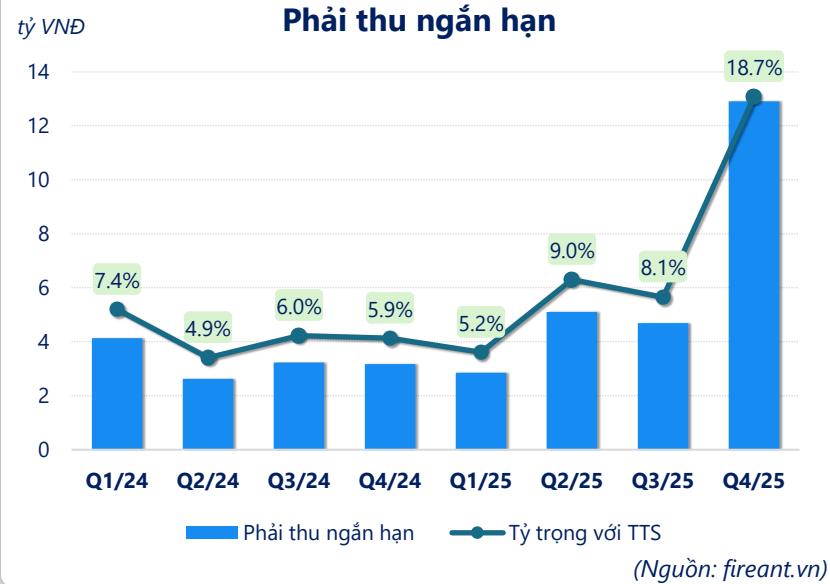
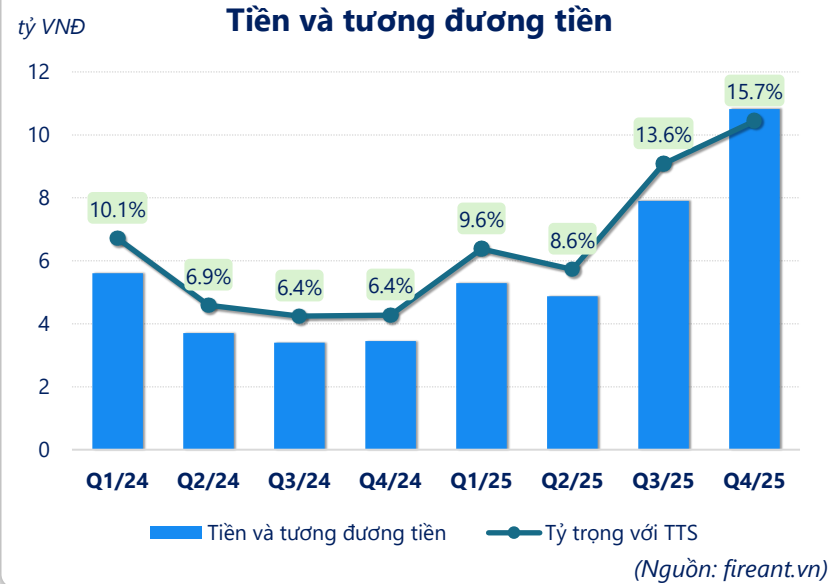
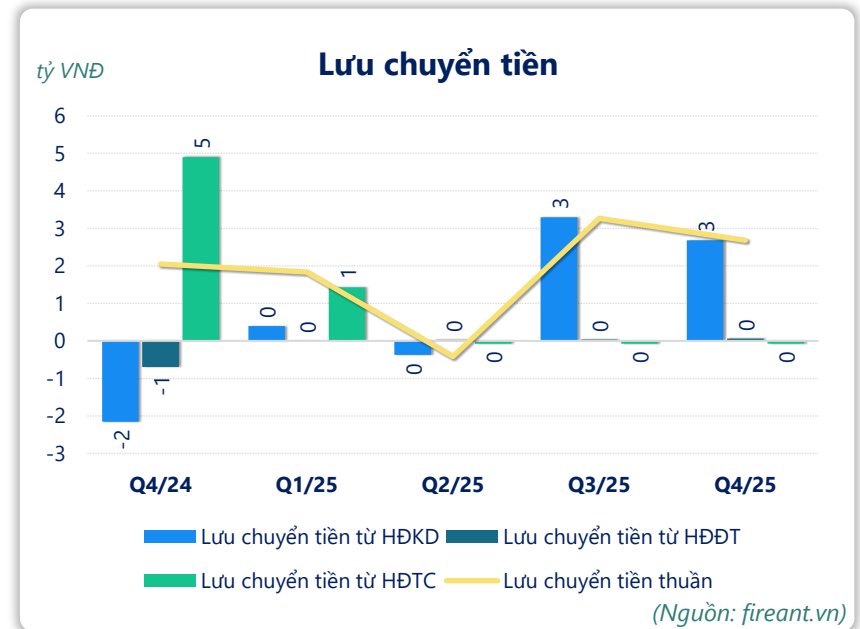
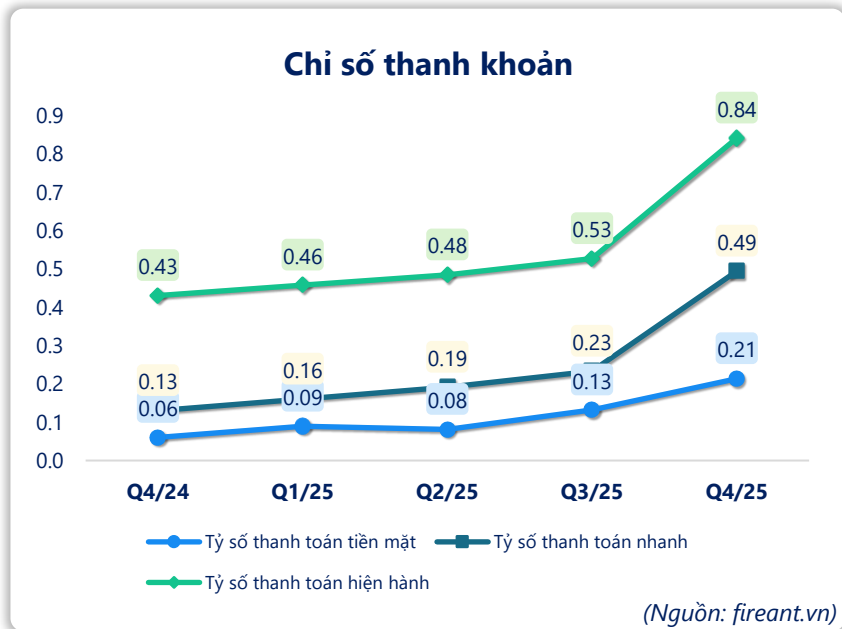
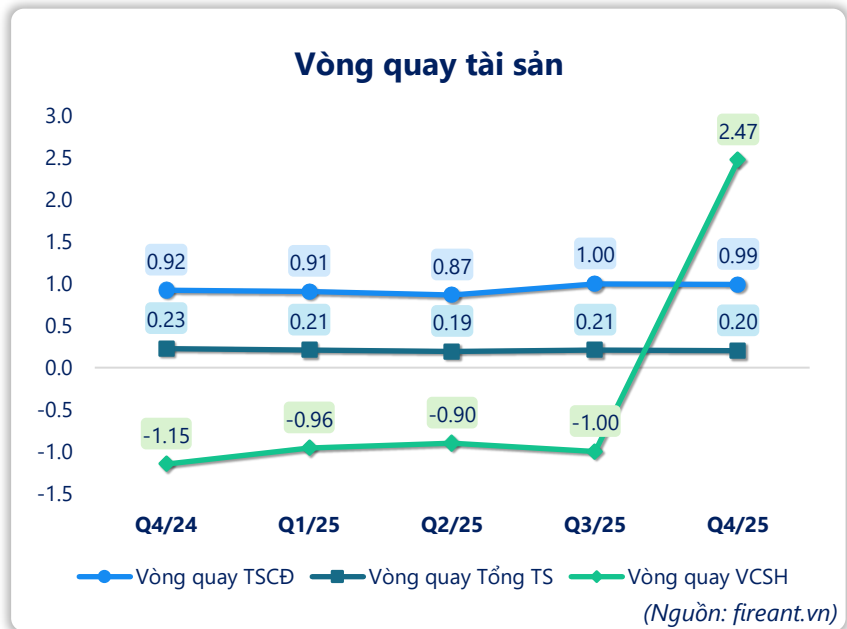
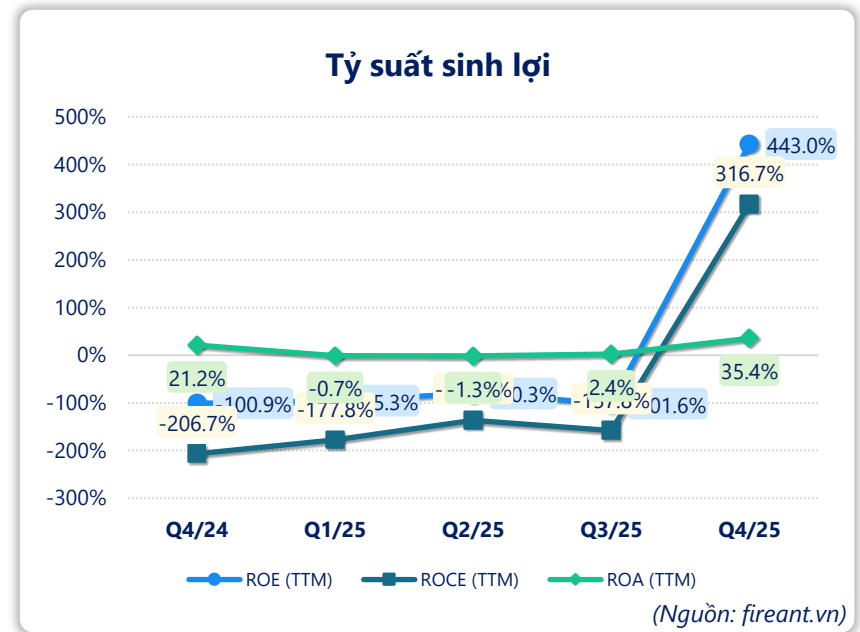
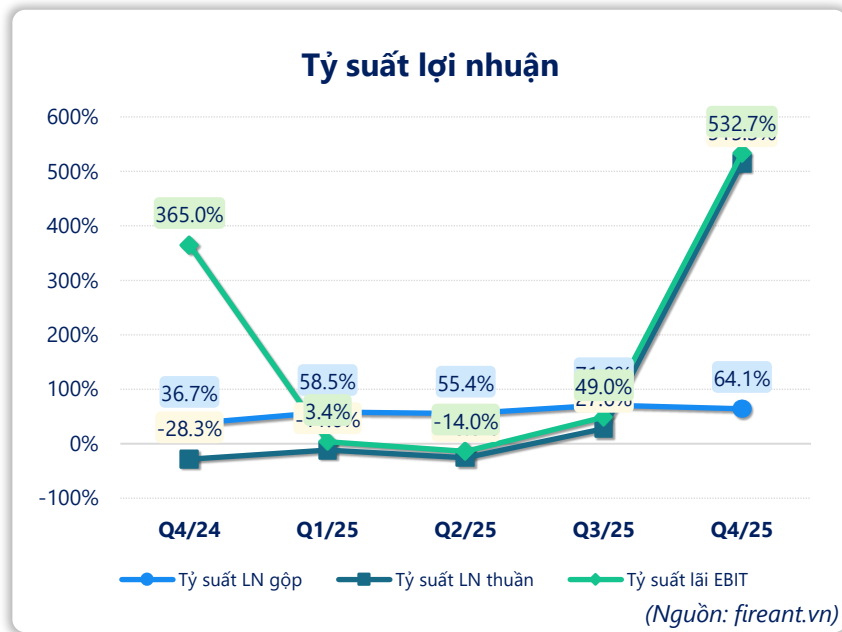
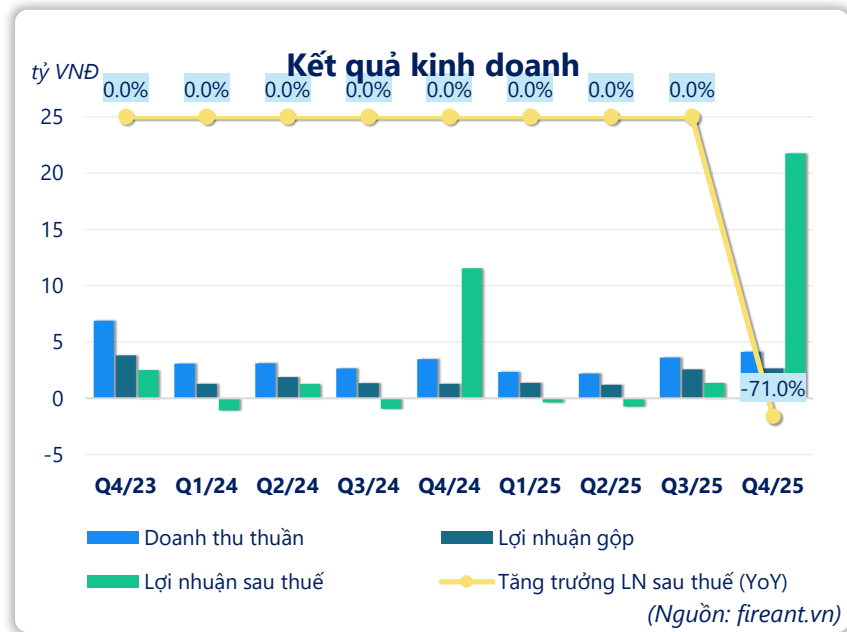


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		15,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		25,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,900
SL cổ phiếu LH		4,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		4.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		72
P/E		3.3
EPS		4,887

	YTD	1T	3T	6T
DLR	-20.1%	0.0%	-14.5%	-14.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	69.1	51.8	33.4%
Tài sản ngắn hạn	42.6	22.6	88.8%
Tiền và tương đương tiền	10.8	3.45	213%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.00	0	
Phải thu ngắn hạn	12.9	1.08	1094%
Hàng tồn kho	17.6	17.2	2.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.32	0.83	-61.9%
Tài sản dài hạn	26.4	29.2	-9.5%
Phải thu dài hạn	0.00	0.00	0.0%
Tài sản cố định	11.3	13.4	-15.5%
Bất động sản đầu tư	14.5	15.3	-5.4%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.27	0.27	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.33	0.19	76.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	53.3	57.8	-7.9%
Nợ ngắn hạn	50.7	55.4	-8.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.09	4.33	17.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	9.62	13.3	-27.8%
Nợ dài hạn	2.60	2.41	8.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.03	1.12	-8.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	15.8	-6.04	362%
Vốn chủ sở hữu	15.8	-6.04	362%
Vốn điều lệ	45.0	45.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	3.47	2.33	2.19	3.62	4.14
Giá vốn hàng bán	2.20	0.97	0.97	1.05	1.49
Lợi nhuận gộp	1.27	1.36	1.21	2.57	2.65
Doanh thu HĐTC	0.02	0.01	0.03	0.04	18.3
Chi phí TC	0.98	0.45	0.44	0.42	-1.73
Chi phí lãi vay	0.98	0.45	0.44	0.42	0.27
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.30	1.20	1.37	1.20	1.32
LN thuần từ HĐKD	-0.98	-0.27	-0.57	1.00	21.3
Lợi nhuận khác	12.7	-0.10	-0.18	0.36	0.45
LN trước thuế	11.7	-0.37	-0.74	1.36	21.8
Lợi nhuận sau thuế	11.5	-0.37	-0.74	1.36	21.7
LNST của CĐ cty mẹ	11.5	-0.37	-0.74	1.36	21.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.15	0.39	-0.37	3.30	2.69
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.70	0.01	0.03	0.04	0.07
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.90	1.43	-0.07	-0.07	-0.07
Tiền đầu kỳ	1.39	3.45	5.29	4.87	7.90
Lưu chuyển tiền thuần	2.05	1.83	-0.42	3.27	2.68
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.45	5.29	4.87	7.90	10.8

(Nguồn: fireant.vn)